

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST

Ngày 18/9/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Hồ Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; trụ sở Phòng giao dịch Sông Cầu: 32 THĐ, phường XP, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phù Nguyên Th – Trưởng Phòng Giao dịch thị xã Sông Cầu. Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng Nguyễn Văn V (sinh năm 1974), Nguyễn Thị L (sinh năm 1978); địa chỉ: Thôn VH, xã XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 19/6/2019, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S trình bày được tóm tắt như sau:**

Ngân hàng TMCP S – Phòng giao dịch Sông Cầu (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cấp tín dụng cho vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L các khoản sau:

1. Khoản vay thế chấp: Hợp đồng tín dụng số LD 1812300130 ngày 03/5/2018: Số tiền vay 1.200.000.000đ; dư nợ hiện tại 600.000.000đ; thời hạn

vay 12 tháng; mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời điểm trả hết nợ: Ngày 03/5/2019. Tài sản bảo đảm:

+ Đất và nhà ở thuộc thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận số CD246828 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 25/8/2016 cho vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L.

+ Đất ở tại thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI083413 do UBND cấp ngày 08/5/2017 cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L.

Sau khi vay, đến kỳ trả nợ tháng 02/2019 đến nay, vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng; số nợ gốc chuyển sang quá hạn. Tính đến ngày 10/6/2019, vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng số tiền 630.766.320đ. Trong đó vốn gốc: 600.000.000đ; lãi trong hạn: 27.271.233đ; lãi quá hạn 3.279.452đ; lãi phạt: 215.635đ.

2. Khoản vay thẻ tín dụng: Loại thẻ tín dụng family, ngày phát hành 14/6/2018, hạn mức 20.000.000đ. Tính đến ngày 10/6/2019, bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.421.961đ. Trong đó, nợ gốc: 15.470.982đ; lãi 950.979đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu giải quyết:

1. Buộc vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải thanh toán trả số tiền vay tín dụng còn nợ:

+ Khoản vay thế chấp: 630.766.320đ. Trong đó vốn gốc: 600.000.000đ; lãi trong hạn: 27.271.233đ; lãi quá hạn 3.279.452đ; lãi phạt: 215.635đ.

+ Khoản vay thẻ tín dụng: 16.421.961đ. Trong đó, nợ gốc: 15.470.982đ; lãi 950.979đ.

2. Trong trường hợp vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L không trả được nợ thì tuyên phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

3. Buộc vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải chịu án phí và chi phí phát sinh.

** Bị đơn là vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng. Về quan điểm đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L, buộc Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP S:

1. Khoản nợ thế chấp: 630.766.320đ. Trong đó vốn gốc: 600.000.000đ; lãi trong hạn: 27.271.233đ; lãi quá hạn 3.279.452đ; lãi phạt: 215.635đ.

2. Khoản vay thế tín dụng: 16.421.961đ. Trong đó, nợ gốc: 15.470.982đ; lãi 950.979đ.

3. Tiền lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và lãnh thổ về nơi cư trú của bị đơn.

TAND thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số LD1812300130 ngày 03/5/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/LD1812300130 ngày 12/12/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/TC/PGD-SC/18 ngày 03/5/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số TT01/HĐ-111/TC/PGD-SC/18 ngày 12/12/2018; Giấy nhận nợ số LD 1812300480 ngày 03/5/2018; Hợp đồng thế tín dụng ngày 14/6/2018; các bảng tính lãi suất tiền vay đến ngày 18/9/2019 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Đủ cơ sở xác định:

[2.1] Ngân hàng có cấp tín dụng cho vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L theo Hợp đồng tín dụng số LD1812300130 ngày 03/5/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/LD1812300130 ngày 12/12/2018 số tiền vốn 1.200.000.000đ. Sau khi vay, vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L đã trả được một phần vốn gốc 600.000.000đ, lãi 78.658.000đ. Đến tháng 02/2019 thì vợ chồng V, L ngưng không trả gốc, lãi, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng V, L phải thanh toán trả cho ngân hàng số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến ngày 18/9/2019 là 657.224.192đ (Trong đó vốn gốc: 600.000.000đ; lãi trong hạn: 44.531.507đ; lãi quá hạn 11.909.589đ; lãi phạt: 783.096đ).

Trường hợp vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/TC/PGD-SC/18 ngày 03/5/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số TT01/HĐ-111/TC/PGD-SC/18 ngày 12/12/2018 để thu hồi nợ đối với các tài sản:

+ Thửa đất 238, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 083413 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/5/2017 cho Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L.

+ Thửa đất 238, tờ bản đồ số 25 - ĐC II, địa chỉ: Thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 246828 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 25/8/2016 cho Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L.

[2.2] Ngân hàng có cấp tín dụng cho Nguyễn Thị L theo Thẻ tín dụng tài khoản số 3581354945. Tính đến ngày 18/9/2019, bà Nguyễn Thị L còn nợ số tiền 17.630.082đ (Trong đó nợ gốc là 15.470.982đ; lãi là 2.159.100đ). Khoản nợ này do bà Lâm vay trong thời kỳ hôn nhân với ông Vân nên xác định là nợ chung của vợ chồng V, L. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng số tiền 17.630.082đ (Trong đó nợ gốc là 15.470.982đ; lãi là 2.159.100đ).

[2.3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngân hàng khởi kiện được chấp nhận nên vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng 1.700.000đ nên vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.700.000đ.

[3.2] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành (657.224.192đ + 17.630.082đ), tương ứng số tiền: 20.000.000đ + (274.854.274đ x 4%) = 30.994.000đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.943.765đ có tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 6975 ngày 16/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 463, 466 và các điều 299, 303, 304, 317, 319, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L: Buộc vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải thanh toán trả cho TMCP S số tiền của:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1812300130 ngày 03/5/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/LD1812300130 ngày 12/12/2018: Nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); lãi trong hạn: 44.531.507đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng); lãi quá hạn 11.909.589đ (mười một triệu chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng); lãi phạt: 783.096đ (bảy trăm tám mươi ba nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

+ Hợp đồng thế tín dụng ngày 14/6/2018: Nợ gốc là 15.470.982đ (mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn chín trăm tám mươi hai đồng); lãi là 2.159.100đ (hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn một trăm đồng).

[2] Kể từ ngày 19/9/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[3] Trường hợp vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L không trả được nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1812300130 ngày 03/5/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/LD1812300130 ngày 12/12/2018 thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/TC/PGD-SC/18 ngày 03/5/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số TT01/HĐ-111/TC/PGD-SC/18 ngày 12/12/2018 để thu hồi nợ đối với các tài sản:

+ Thửa đất 238, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 083413 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/5/2017 cho Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L).

+ Thửa đất 248, tờ bản đồ số 25-ĐC II, địa chỉ: Thôn Vĩnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 246828 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 25/8/2016 cho Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L).

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) nên vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị L phải nộp 30.994.000đ (ba mươi triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.943.765đ (mười bốn triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) có tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 6975 ngày 16/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tx. Sông Cầu;
- Chi cục THADS Tx. Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thơ Hiền